

Nhìn lại một chặng đường

HỒ HẢI THUY*

Sẽ là có lỗi với hậu thế nếu những người đương thời không thường xuyên ghi chép lại những gì đã xảy ra, cho dù còn ở mức độ cảm tính, chưa có được tính khách quan lịch sử. Các nhà viết lịch sử xã hội học sau này, khi có điều kiện lạnh lùng nhìn lại *qúa khứ*, chắc chắn sẽ thấy được nhiều điều sáng hơn người trong cuộc hiện nay.

Nhìn lại đoạn thời gian ngắn ngủi 15 năm qua, kể từ khi do nhu cầu của xã hội sau ngày miền Nam giải phóng, một số cán bộ được chuyển từ các ngành chuyên môn gán gửi sang làm công tác nghiên cứu xã hội học, tình hình đã có biết bao đổi thay. Những việc làm được cũng nhiều, do nhiệt tình và cố gắng, song những việc chưa làm được hoặc làm chưa tốt cũng không ít. Nếu ý chí và nhiệt tình không thiếu, phải chăng có vấn đề về năng lực và do đó về hướng đi.

Gạt bỏ mọi khập khểnh vốn có trong bất kỳ một thí dụ nào, ta vẫn có thể ví công việc làm ăn xã hội học như công việc của người thợ mộc. Xã hội giao cho anh gỗ (nguyên liệu) để anh đóng bàn, tủ, giương, . . . (đơn đặt hàng của xã hội), anh chỉ có công cụ (cưa, bào, . . .) và tay nghề (cái đầu và cái tay). Công cụ tốt giúp nâng tay nghề, nhưng lại chính tay nghề cao mới biết sử dụng công cụ tốt, thậm chí tạo ra công cụ thích hợp. Không có tay nghề và công cụ, làm sao từ nguyên liệu đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Phải chăng tình hình nghiên cứu xã hội học nhiều năm lại đây ở nước ta là: nguyên liệu không thiếu sự Lhực xã hội, hiện tượng xã hội đâu mà không có), đơn đặt hàng càng nhiều (mọi cấp mọi ngành mọi người đều trông mong có những kết luận xã hội học đúng đắn đáng tin cậy để làm chỗ dựa cho những quyết định chính sách, chủ trương hoặc kinh doanh), nhưng ta còn thiếu tay nghề và công cụ xã hội học.

Tay nghề xã hội học không phải tự nhiên mà có: cũng không thể đưa thợ cơ khí hay thợ điện sang đóng đồ mộc. Nếu đã có lòng tin rằng xã hội học là một ngành khoa học thì cũng có nghĩa là phải tin rằng xã hội học không phải là một việc dễ dàng có được một sớm một chiều, mà phải mất công đào tạo không kém bất kỳ một ngành khoa học nào khác. Không phải đào tạo công phu mà vẫn làm xã hội học thì cũng giống như người bán hàng ở chợ hằng ngày vẫn làm "toán học" một cách xuất sắc.

Song vấn đề ở đây quả không đơn giản nếu ta đặt hoàn cảnh ra đời của công việc nghiên cứu xã hội học nước ta trong bối cảnh lịch sử của những năm giữa thập kỷ 70. Lui ngược thời gian lên chút nữa và mở rộng phạm vi không gian, ta thấy rằng sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), các ngành khoa học ở nước ta được phát triển một cách tương đối đồng bộ - theo mô hình đường như chịu ảnh hưởng nhiều của hai nước lớn mà ta gửi nhiều sinh viên sang học, là Liên Xô và Trung Quốc. Trong các ngành khoa học mà ta gửi người đi đào tạo, vắng bóng xã hội học. Tại nước Nga và Trung Quốc trước cách mạng của họ đã có một thời xã hội học được giảng dạy tại các trường đại học. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa, môn học này không còn tồn tại, tuy rằng nhiều công việc thuộc phạm vi nghiên cứu có tính chất xã hội học vẫn còn được tiến hành. Có những lý do của sự vắng mặt này: một mặt, chủ nghĩa duy vật lịch sử được coi như học thuyết cao nhất về xã hội loài người, thêm vào đó là chủ nghĩa xã hội khoa học (sau này là chủ nghĩa cộng sản khoa học) được coi như xã hội học của thời đại xã hội chủ nghĩa (và sau đó là của thời đại cộng sản chủ nghĩa), mặt khác, các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng các cấp được coi như bộ máy dân lái giao tiếp giữa lãnh đạo và quần chúng. Và trong thực tế, xã hội liên Xô trong khoảng một thời gian dài không có xã hội học vẫn phát triển đáng kể.

Trong tình hình như vậy, ở Việt Nam, nơi mà trước Cách mạng Tháng Tám, trường đại học chỉ đào tạo một số sinh viên ít ỏi thuộc các ngành Y, Luật, Nông học, Sư phạm, Toán Lý Hóa, Xã hội học cũng chỉ được nhắc

* Tạp chí Việt Nam - Khoa học xã hội

đến loáng thoáng đây đó, chủ yếu với sinh viên Luật khoa, thì tất nhiên sự mở đầu của ngành xã hội học thật khó mà tưởng tượng được. Ở miền Nam trước ngày giải phóng, người Mỹ có đem một số nhà xã hội học sang giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu, một số người Việt Nam được đào tạo về xã hội học và về công tác xã hội, nhưng có thể nói rằng cả về mặt đội ngũ cũng như về mặt trình độ, chưa có một nền xã hội học Việt Nam. Cho đến giữa thập kỷ 50, Liên Xô - nơi đào tạo nhiều cán bộ đại học và trên đại học cho ta, cũng như là trung tâm có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển các ngành khoa học xã hội ở nước ta - mới rụt rè nói đến trở lại "xã hội học thực nghiệm" "xã hội học cụ thể". Đường như mọi công việc cụ thể cần nghiên cứu về mặt xã hội học đều được coi như chỉ thuộc phạm vi thực nghiệm, còn phần lý thuyết đại cương là đã nằm trong chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa cộng sản khoa học rồi¹. Khoa học của thế kỷ 20 đã chứng kiến sự rút ngắn ngày càng nhiều khoảng cách thời gian từ một phát hiện lý thuyết đến sự ứng dụng trong đời sống thực tiễn. Để làm được như vậy, các lý thuyết trung gian đóng một vai trò quan trọng. Không thể chỉ từ khung lý thuyết khái quát nhất, người ta có thể tiến hành những "thực nghiệm" cụ thể để ứng dụng vào đời sống được

Cũng từ trong một quan niệm chung như trên, thời gian đầu ở Việt Nam, một số cán bộ từ các ngành khoa học xã hội (tất nhiên đều đã được đào tạo chu đáo về chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa cộng sản khoa học) được điều sang nghiên cứu xã hội học.² Mặc dầu không thiếu khung lý thuyết chung: các hình thái kinh tế xã hội, các phạm trù xã hội, . . . song để đến được với thực nghiệm, họ thiếu một cái cầu nối: đó là những khái niệm và phạm trù chuyên ngành của xã hội học như hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, mô hình xã hội, xung đột và biến đổi xã hội. . . Do thiếu những lý thuyết trung gian này, những tri thức về khung lý thuyết khái quát nhất khó bề thao tác hóa được, từ đó công việc thực nghiệm hoàn toàn chỉ dựa trên những cảm tính, lẽ thường của đời sống mà thiếu căn cứ lý thuyết thật sự xã hội học. Đồng thời khi thiếu lý thuyết xã hội học thì cũng không thể nào có được phương pháp xã hội học. Tay nghề tạo ra công cụ, và nếu không có tay nghề thì công cụ dù có sẵn cũng trở thành vô dụng.

Nhìn lại sự trưởng thành của ngành xã hội học trong những năm qua, chúng ta có thể phấn khởi và tự hào về những điều đã làm được: Một đội ngũ cán bộ được đào tạo chính quy, trên đại học và đại học, ngoài nước cũng như trong nước, đang ngày càng tăng về số lượng, những cuộc trao đổi chuyên gia và giúp đỡ đào tạo, nhiều công trình nghiên cứu các cấp được đánh giá là tốt trong những hội nghị nghiệm thu, v. v. . . Nhưng đồng thời cũng có thể bước đầu nhìn ra một số vấn đề đáng được lưu ý.

Là một ngành khoa học mới được hình thành ở nước ta, công việc đầu tiên là làm sao nắm bắt được những tri thức cơ bản của ngành mà giới xã hội học thế giới đã tích lũy được, từ đó đưa vào cọ xát trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta để mài giũa nên những công cụ làm việc phù hợp với hoàn cảnh của nước ta, từ đó dần dần tiến lên xây dựng được nền xã hội học Việt Nam một mặt phục vụ đắc lực cho xã hội Việt Nam, mặt khác góp phần vào kho tàng lý luận xã hội học thế giới.

Muốn vậy cần phải tính toán đến một tỉ lệ thích hợp giữa nghiên cứu xã hội học nhằm phục vụ các yêu cầu do xã hội đề ra (khi đã có tay nghề xã hội học 1 am đủ để phục vụ) với nghiên cứu xã hội học nhằm trau chuốt, hoặc chế tạo công cụ xã hội học (nhằm nâng cao tay nghề).

Mỗi xã hội có những đặc thù riêng của nó. Cho nên từ những nguyên lý chung về làm công cụ, mỗi đối tượng lại đòi hỏi một loại công cụ thích hợp. Một thí dụ: nghiên cứu về cơ cấu xã hội là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các nước xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian những thập kỷ 60 và 70; sau nhiều

¹. Ở Trung Quốc, mãi sau cách mạng văn hóa mới có cuộc tọa đàm bàn và khôi phục xã hội học. Có người đã thừa nhận: "Tất nhiên, không thừa nhận cái tên gọi xã hội học là một trong những việc làm ngu xuẩn của chúng ta". Vu Quang Viễn, lịch sử xã hội học mác xít và trong thâm nghiên cứu hiện nay", *Tạp san khoa học xã hội* (Trung Quốc, số 4, 1 981).

² Ở Liên Xô, xã hội học cũng thường do các nhà triết học nghiên cứu. ở Trung Quốc, mãi gần đây vẫn còn Có quan niệm cho rằng "biện pháp (để mở rộng đội ngũ các nhà xã hội học - HHT chú thích) là *thu hút người của các ngành* (HHT nhấn mạnh) để nghiên cứu xã hội học; điều này là có thể làm được" (Vu Quang Viễn, bản đã dẫn) mà không hề nói tới việc mở trường lớp xã hội học, phải chăng đó vẫn là do sự lúng túng trong việc xác định nội dung của xã hội học?

cuộc hội thảo, hội nghị, các nhà xã hội học các nước xã hội chủ nghĩa đã nhất trí đề ra một bản hướng dẫn nghiên cứu cơ cấu xã hội khá cụ thể, với các yếu tố thu nhập, nhà ở, trình độ nghề nghiệp, trình độ văn hóa, . . . kèm theo những điều giải thích, biện luận và cả một danh mục nghề nghiệp khá chi tiết. Song vấn đề ở đây là: làm thế nào để có được số liệu về thu nhập, làm thế nào để biết được nghề nghiệp thật sự. Ngay trong thời bao cấp, một công nhân làm vệ sinh ở một cửa hàng bách hóa tại một nước nọ, nếu chỉ lĩnh lương của cửa hàng đó thì không đủ sống, đã mặc cả với cửa hàng theo cách làm khoán, miễn là đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, để lại có thể đi làm thêm. cho một cửa hàng thứ hai, thậm chí thứ ba nữa, để rồi nhà xã hội học lại ghi chép thu nhập của chị ta chỉ có ở một cửa hàng. Báo chí Việt Nam cũng không ít chỗ nói đến tiền lương và thời gian có khả năng tồn tại của người lao động bằng số lương đó, nhưng khi cần ghi mức thu nhập, chắc hẳn không ai ghi gì thêm ngoài số lương chính (thường "quên" ghi những khoản trợ cấp, bù giá, ăn trưa, thưởng, . . . có khi lại là kiểu thu nhập đất 5 phần trăm thời hợp tác xã). Về nghề nghiệp cũng vậy. Nghề nghiệp gắn chặt với thu nhập. Nếu ghi công việc của một hộ nông dân chỉ canh tác vài sào dưới mục nghề nghiệp là làm nông nghiệp thì không sao giải thích nổi tình trạng sinh hoạt của gia đình đó với đủ ti vi xe máy v. v. . . nếu không nhìn thấy một nghề nghiệp khác nữa: "chạy chợ". Một khoản bồi thường hợp tác lao động ở nước ngoài có khi bằng hoặc hơn tài sản tích lũy của một người trong cả cuộc đời lao động: đây có phải là thu nhập không và nó được ghi ở đâu, trong khi người có tài sản đó lúc này vẫn được ghi là "thất nghiệp"?

Nêu ra những khó khăn đó không phải để bó tay, mà để nhớ lại một điều: một nhà xã hội học nước ngoài đến Việt Nam khi giảng bài đầu tiên về "vỡ lòng" cho các cán bộ nghiên cứu xã hội học đầu tiên đã nói ngay câu đầu tiên "Xã hội học không phải là thống kê (học)". Có những chỗ thống kê cung cấp số liệu đầy đủ và chính xác, nhà xã hội học có thể sử dụng để biện giải, chứng minh, như trường hợp của Duyêc khem. Nhưng ở những nơi mà thống kê không đung được tới, thì xã hội học vẫn có cách đi riêng của nó. Chính vì vậy mà khái niệm "chỉ báo" là quan trọng biết bao trong nghiên cứu xã hội học. Vận dụng đúng một hệ thống chỉ báo nào đó, người ta có thể biết - hoặc ít ra là có thể đoán chắc - một tình hình có thật nào đó, mà không cần có con số chính xác và đầy đủ do thống kê đem lại. Thêm nữa, kỹ thuật điều tra mẫu cũng cho phép ta khái quát từ một mẫu nhỏ ra tình hình chung của một cư dân lớn hơn. Vậy thì một công trình nghiên cứu xã hội học với nhan đề chẳng hạn như "Tìm chỉ báo về thu nhập (hoặc nghề nghiệp) như thế nào?" Cùng với một cuộc điều tra mẫu nhỏ rồi kiểm tra trên một mẫu lớn hơn đôi chút, chắc cũng đáng để bỏ công sức và cũng mang lại nhiều điều bổ ích.

Từ ngày chúng ta bắt đầu nghiên cứu xã hội học đến nay, ngoài một đợt điều tra xã hội học tại xã Hải Vân với sự hướng dẫn của chuyên gia ngoại quốc có thể nói là chưa có cuộc điều tra xã hội học nào có tính chất chuyên về "trau dồi công cụ". Hầu hết là những cuộc điều tra nghiên cứu nhằm phục vụ nhu cầu xã hội bức thiết trước mắt. Khi tổng kết công trình, thường cũng nặng về tổng kết nội dung hơn là về phương pháp

Có một thời gian, một số cơ quan rộ lên cách làm "điều tra xã hội học" bằng cách phát các phiếu trưng cầu ý kiến. Xã hội học được hiểu chỉ như là sự thăm dò dư luận. Nếu chỉ có thế thì thật đáng buồn cho xã hội học, và cũng chẳng cần dẫn một ngành đào tạo. Không ai không thừa nhận rằng Các Mác, Công to, Vê bê, Duyêc khem là các nhà xã hội học vĩ đại³. Nhưng các ông không phải trở thành nhà xã hội học do phát phiếu điều tra. Xã hội học có nhiều con đường để tìm đến chân lý xã hội. Thăm dò dư luận bằng bảng hỏi, nhất là bảng hỏi viết, chỉ là

³ Trong số này, Các Mác là một hiện tượng đặc biệt. ông không tự nhận là nhà xã hội học, song các nhà xã hội học sau ông đã đánh giá về ông như sau: "Mác là người vĩ đại nhất và ít giáo điều nhất trong số những người sáng lập ra xã hội học. . . Mác trước hết là một nhà xã hội học, và chính xã hội học là cái quy tụ tất các công trình của ông". (G. Gurvitch, *La vocation ac tuelle, de la sociologie* vol. 2, tr. 223, 1950). "Triết học xã hội học của Mác hơn hẳn các hệ thống vĩ đại khác và triết học xã hội của thế kỷ 19 ở chỗ là phải biện chứng của ông đã hình dung trước được, phần lớn là chính xác, cách tiếp cận chức năng trong xã hội học. Như vậy không phải ông đã xây dựng một nền triết học xã hội mà là một hệ thống xã hội học vĩ mô đầu tiên xứng đáng với tên gọi như vậy. Làm ít xã hội học thì người ta coi thường chủ nghĩa Mác; làm nhiều thì sẽ đưa người ta đến gồm chủ nghĩa Mác hơn". (Henri Janne, *Technique, développement économique et technocratie*, tr. 76, 1963). "Mác không phải là nhà xã hội học, nhưng có xã hội học trong chủ nghĩa Mác". (Henri Lefebvre, *sociologie de Marx* 1968)

một kỹ thuật (không phải là quan trọng nhất, thậm chí còn bị nhiều người nghi ngờ) trong biết bao nhiêu kỹ thuật khác mà xã hội học có thể sử dụng. Điều này cũng giống như người thợ mộc mới chỉ sử dụng đến kỹ thuật đánh giấy nháp.

Chính vì chưa nắm vững công cụ thật sự xã hội học, cho nên trong một số bài viết hoặc bài giảng xã hội học, còn có thể thấy đây đó hiện tượng "lấn bãi" sang phạm vi của các ngành khoa học khác: hiện tượng xã hội với hiện tượng kinh tế, dân số học với xã hội học về dân cư, xã hội học về tội phạm với tội phạm học, v. v. . . . Và cũng có thể là do chưa có những tổ chức (hội nghị, hội thảo) để các nhà xã hội học gặp gỡ các nhà kinh tế học, dân số học, luật học, khoa học về lao động, nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, . . . để cùng bàn bạc xây dựng nền móng cho các ngành xã hội học chuyên biệt.

Nhìn lại chặng đường 15 năm qua, nếu những người làm công tác xã hội học cùng nhau họp lại trong một tổ chức có tính chất ngành nghề, đã phối hợp hoạt động, chắc chắn sẽ làm được cái gì đó đáng phấn khởi hơn để đón chào năm mở đầu của thế kỷ 21 .